

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2018

"V/v tranh chấp Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Ngọc Thu.

Ông Lê Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 415/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bích L, sinh năm 1987; trú tại: Số 115H, ấp MP, xã TH, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: Số 110/6, đường LHP, Khóm 5, phường PL, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương (Vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1982; trú tại: Số 115H, ấp MP, xã TH, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phạm Thị Bích L trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Bích L và anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu được 04 năm thì đi đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới và bắt đầu chung sống như vợ chồng từ tháng 10/2010 nhưng đến ngày 28/9/2011 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống, anh chị sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T có quen người phụ nữ khác ở bên ngoài, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên xảy ra cự cãi nên không thể sống hạnh phúc được. Hiện nay

anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2013 cho đến nay, chị L xác định không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có một con chung tên Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 27/01/2012, hiện nay do chị L nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị L yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và Đơn xin vắng mặt ngày 03/7/2018, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị L yêu cầu ly hôn với anh T; về con chung: Chị L yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 27/01/2012, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T được Tòa án Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có văn bản trả lời ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố VL phát biểu ý kiến:

- Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng pháp luật tuy nhiên bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Thời hạn đưa vụ án ra xét xử đúng quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

+ Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Bích L. Cho chị L được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 27/01/2012 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thành phố VL được thụ lý phù hợp về thẩm quyền

qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Bích L có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 03/7/2018, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân:

- Chị Phạm Thị Bích L và anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, bắt đầu chung sống như vợ chồng từ tháng 10/2010 nhưng đến ngày 28/9/2011 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

- Trong quá trình chung sống, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do anh T có quen người phụ nữ khác ở bên ngoài, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên xảy ra cự cãi nên không thể sống hạnh phúc được. Hiện nay anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 4/2013 đến nay vì vậy chị L yêu cầu ly hôn với anh T vì xác định không còn tình cảm với anh T.

Xét thấy, chị L và anh T có một khoảng thời gian sống ly thân. Trong khoảng thời gian này, anh chị không tháo gỡ được những mâu thuẫn, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh T tham gia hòa giải và trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L nhưng anh T không tham dự và cũng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu của chị L; Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để các bên tháo gỡ những mâu thuẫn nhưng anh T không tham gia để tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng do đó mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Theo chị Phạm Thị Bích L xác định, chị L và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 27/01/2012. Khi ly hôn chị L yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét điều kiện nuôi con: Từ khi chị Phạm Thị Bích L và anh Nguyễn Văn T sống ly thân thì cháu Tr do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay; anh T đã được Tòa án thông báo đối với yêu cầu nuôi con của chị L nhưng cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu này. Để đảm bảo về chỗ ở ổn định, học tập, vui chơi, để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý của cháu vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị L là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, anh T cũng không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng này nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Bích L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Chị Phạm Thị Bích L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm trình bày của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố VL là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Phạm Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị L được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 24/4/2018 theo biên lai thu số N₀ 0003850 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VL thành tiền án phí. Chị L đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Phạm Thị Bích L. Cho chị Phạm Thị Bích L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 27/01/2012 cho chị Phạm Thị Bích L tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Bích L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Phạm Thị Bích L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Phạm Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị L được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 24/4/2018 theo biên lai thu số N₀ 0003850 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VL thành tiền án phí. Chị L đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- Viện Kiểm Sát TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã nộp)**

Trương Minh Trường